Phụ lục

THỐNG KÊ NHIỆM VỤ VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA BAN CHỈ ĐẠO (01-CTr/BCĐ)

Tổng số 52 nhiệm vụ, trong đó: Đã hoàn thành 23/52 nhiệm vụ, đang thực hiện 29/52 nhiệm vụ

Chú thích:

- Nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá thời hạn được giao hoặc sản phẩm đầu ra chưa thể hiện kết quả chuyển biến rõ ràng, mới chỉ dừng lại ở ban hành văn bản/kế hoạch: **màu vàng**

- Nhiệm vụ quá hạn, chậm tiến độ hoặc chưa có kết quả cụ thể; có nguy cơ chậm, muộn: **màu hồng**

- Nhiệm vụ đang trong tiến độ, đang thực hiện: **màu xanh lá**

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành				
1.1	Ban hành CT công tác trọng tâm 2026 của BCĐ và Đề án 06	Tháng 01/2026	Đã hoàn thành	Chương trình 01-CTr/BCĐ ngày 10/01/2026)
1.2	Ban hành KH hoạt động kiểm soát TTHC, CCHC trọng tâm năm 2026	Tháng 01/2026	Đã hoàn thành.	UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch CCHC trọng tâm trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030 (KH số 2370/KH-UBND ngày 20/5/2026); Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2026 (KH số 3300/KH-UBND ngày 25/12/2025); Kế hoạch kiểm soát TTHC, cải cách TTHC (QĐ số 991/QĐ-UBND ngày 25/3/2026)
1.3	KH của UBND tỉnh triển khai CT hành động 06-CTr/TU	Tháng 01/2026	Đã hoàn thành	KH 687/KH-UBND ngày 26/02/2026 (chậm khoảng 1 tháng so với hạn)
1.4	NQ HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển KHCN, ĐMST, CĐS giai đoạn 2026-2030	Quý II/2026	Đang thực hiện	– đã trình UBND tỉnh (Tờ trình 2432/TTr-SKHCN ngày 23/6/2026), dự kiến trình HĐND tỉnh quý III/2026 (trễ tiến độ so với hạn gốc)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
1.5	Quy định phân cấp, quản lý nhiệm vụ KHCN, ĐMST sử dụng ngân sách nhà nước	Quý II/2026	Đã hoàn thành	Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 05/6/2026
1.6	KH cải thiện, nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2026	Quý I/2026	Đã hoàn thành	Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 21/01/2026 ***Nhận xét của CQTT:** Kết quả công việc hiện tại mới chỉ dừng lại ở mức ban hành Kế hoạch, cần đôn đốc chuyển hoá thành sản phẩm cụ thể, rõ ràng hơn.
1.7	Triển khai cơ chế "thử nghiệm có kiểm soát" (sandbox)	Theo hướng dẫn Trung ương	Đang thực hiện	đang nghiên cứu quy định, hướng dẫn của Bộ KH&CN
1.8	Xây dựng CT/KH hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Quý III/2026	Đã hoàn thành	Kế hoạch số 3122/KH-UBND ngày 29/6/2026 ***Nhận xét của CQTT:** Kết quả công việc hiện tại mới chỉ dừng lại ở mức ban hành Kế hoạch, cần đôn đốc chuyển hoá thành sản phẩm cụ thể, rõ ràng hơn.
1.9	Xây dựng, ban hành Đề án chuyển đổi số trong hệ thống MTTQ Việt Nam tỉnh, giai đoạn 2025-2030	Năm 2026	Đã hoàn thành	Đề án 01/ĐA-MTTQ-BTT, ngày 05/01/2026 của Ban Thường Trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh về chuyển đổi số trong hệ thống MTTQ Việt Nam giai đoạn 2025 – 2030.. Kế hoạch số 66/KH-MTTQ-BTT, ngày 30/6/2026 của Ban Thường Trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh về việc thực hiện Đề án 01/ĐA-MTTQ-BTT về chuyển đổi số trong hệ thống MTTQ Việt Nam giai đoạn 2025 – 2030.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
1.10	Thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá kết quả thực hiện NQ57 theo thời gian thực trên nền tảng số	Quý II/2026	Đã hoàn thành	Đã tham mưu, thiết lập tổ chức triển khai đánh giá, xếp hạng hàng tháng kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên hệ thống theodoinq.dcs.vn ***Nhận xét của CQTT:** Kết quả nhiệm vụ cần cụ thể hơn nữa; cần có thêm cơ chế giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao trên địa bàn tỉnh cụ thể, trực quan phục vụ chỉ đạo, điều hành.
2. Phát triển hạ tầng số và dữ liệu số				
2.1	KH phát triển hạ tầng số 2025-2030, tầm nhìn 2035; KH tổng thể KHCN và ĐMST giai đoạn 2026-2030	Tháng 02/2026	Đã hoàn thành	Kế hoạch 1887/KH-UBND (15/4/2026) và KH 3122/KH-UBND (29/6/2026) (chậm 2-4 tháng so với hạn)
2.2	Đề án phát triển Trung tâm giám sát, điều hành thông minh, Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh giai đoạn 2026-2030, định hướng 2035	Tháng 01/2026	Đã hoàn thành	Quyết định 1998/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 (khái toán 786 tỷ đồng, 35 nhiệm vụ/dự án thành phần; chậm khoảng 4 tháng)
2.3	Đưa vào vận hành thực chất Trung tâm dữ liệu điện tử và Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) tỉnh	Tháng 6/2026	Đã hoàn thành	Duy trì vận hành 22 hệ thống thông tin/CSDL dùng chung; IOC đã tiếp nhận, xử lý 3.166 phản ánh hiện trường
2.4	Cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh (bao gồm Kiến trúc dữ liệu của tỉnh)	Tháng 02/2026	Đã hoàn thành	Quyết định 656/QĐ-UBND ngày 12/02/2026; Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
2.5	Triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo KH 1334/KH-UBND	Năm 2026	Đã hoàn thành	100% KCN đã lắp trạm BTS, phủ sóng 5G (Ban QLKKT); toàn tỉnh phủ 5G đạt khoảng 83,5% (563 trạm)
2.6	Xây dựng Hệ thống quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp và quy hoạch trên nền tảng bản đồ số (GIS)	Năm 2026	Đang thực hiện	Đã trình chủ trương đầu tư (Tờ trình 1827/TTr-KKT ngày 22/6/2026), chờ Quyết định chủ trương đầu tư
2.7	Hoàn thành chuyển đổi, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai ViLIS cho toàn tỉnh	Năm 2026	Đang thực hiện	Tính đến ngày 16/9/2026, đã đồng bộ thành công 2.030.654/ 2.403.430 thửa đất bảo đảm "đúng, đủ, sạch sống" lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai (VNLIS), đạt tỷ lệ 84,5%, đứng đầu toàn quốc.
2.8	Hoàn thiện, làm giàu, làm sạch các CSDL chuyên ngành tư pháp đang hoạt động, vận hành	Thường xuyên	Đang thực hiện	- Nhiệm vụ rà soát, xử lý dữ liệu sai lệch giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư + Đối với dữ liệu đăng ký kết hôn: Đến nay, các địa phương đã hoàn thành việc rà soát dữ liệu đăng ký kết hôn (tổng số dữ liệu đã rà soát là 12.733 dữ liệu). + Đối với dữ liệu đăng ký khai sinh: Đến ngày 25/9/2026, UBND các xã, phường, đặc khu đã thực hiện rà soát, xử lý được 257.700 dữ liệu đăng ký khai sinh/272.385 dữ liệu cần rà soát, xử lý (đạt 94,6%). - Trong quý III, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan đã cập nhật 106 Vi bằng lên Cơ sở dữ liệu Vi bằng tỉnh Quảng Trị; cập nhật 147 vụ việc vào phần mềm CSDL quản lý xử lý vi phạm hành chính tỉnh Quảng Trị; cập nhập 176 vụ việc

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				trợ giúp pháp lý vào phần mềm Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý; đối với Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực cập nhật 128 thông tin ngăn chặn lên CSDL; UBND cấp xã thực hiện cập nhật 4.624 Thông tin giao dịch chứng thực; Các Tổ chức hành nghề công chứng cập nhật 17.922 Thông tin giao dịch công chứng.
2.9	Số hoá tài liệu tại Lưu trữ lịch sử và tài liệu cấp huyện trước khi kết thúc hoạt động	Năm 2026	Đang thực hiện	Đang thực hiện - Từ ngày 01/01/2026 đến 06/7/2026 đã số hóa: 455.626 trang A4/1.061.147 trang A4, đạt 42,94% chỉ tiêu Kế hoạch số 301/KH-SNV và Kế hoạch số 302/KH-SNV ngày 23/01/2026 của Sở Nội vụ. Toàn bộ dữ liệu số hóa được quản lý trên Hệ thống phần mềm số hóa và quản lý hồ sơ lưu trữ của Trung tâm Lưu trữ lịch sử Quảng Trị. - Đối với số hóa tài liệu theo Kế hoạch số 2419/KH-UBND ngày 22/5/2026 của UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã có Tờ trình số 411/TTr-SNV ngày 04/6/2026 gửi Sở Tài chính thẩm định tham mưu UBND tỉnh phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện số hoá tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức cấp huyện (cũ) và cấp tỉnh trước khi sắp xếp đơn vị hành chính năm 2026. Ngày 19/8/2026 UBND tỉnh đã có Quyết định số 3410/QĐ-UBND về Phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện thuê dịch vụ chỉnh lý tài liệu tồn đọng và số hóa tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức cấp huyện (cũ) và cấp tỉnh trước khi

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				sắp xếp đơn vị hành chính năm 2026. Ngày 25/8/2026 Sở Nội vụ có Văn bản số 4716/SNV-VP đề nghị cấp bổ sung kinh phí thực hiện thuê dịch vụ chỉnh lý tài liệu tồn đọng và số hóa tài liệu lưu trữ. Đến ngày 30/9/2026 Sở Tài chính đã có Tờ trình số 8447/STC-HCSN về phân bổ và giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026 cho Sở Nội vụ. Hiện nay, Sở Nội vụ đã thống kê, rà soát, tập hợp tài liệu sẵn sàng để chuẩn bị thực hiện thuê dịch vụ số hóa tài liệu lưu trữ theo Kế hoạch được giao.
3. Phát triển chính quyền số và cải cách hành chính				
3.1	Cắt giảm 30% thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, cấp xã	Tháng 02/2026	Đang thực hiện	460 TTHC được cắt giảm/đơn giản hóa (9 sở, ngành); KH 2321/KH-UBND (15/5/2026) đang rà soát, hoàn thành trước 31/7/2026
3.2	Thí điểm "Kiosk toàn trình nộp hồ sơ trực tuyến trên DVC, mô hình Trạm số hóa"	Quý IV/2027	Đang thực hiện	xin gia hạn – Kiosk đã lắp đặt tại 73 xã/phường, kết nối 14/14 hệ thống bộ, ngành (xin lùi đánh giá hoàn thành đến 11/2026); Trạm số hóa phụ thuộc phần mềm của Sở Nội vụ (xin gia hạn đến Quý IV/2027)
3.3	Triển khai Nền tảng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công vụ (Trợ lý ảo)	Theo hướng dẫn Trung ương	Đang thực hiện	đề án đang lập, xin gia hạn từ quý II sang thực hiện trong cả năm 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
3.4	Quy chế phối hợp hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả TTHC giữa DN bưu chính công ích và cơ quan giải quyết TTHC	Tháng 01/2026	Đã hoàn thành	QĐ 403/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 (chậm khoảng 1 tháng)
3.5	Xác định Chỉ số cải cách hành chính tỉnh, chấm điểm Chỉ số CCHC cấp sở năm 2025	Quý I/2026	Đã hoàn thành	Bộ Nội vụ đã Công bố chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2025 (Quyết định số 429 và 430/QĐ-BNV ngày 14/4/2026 của Bộ Nội vụ), theo đó: tỉnh Quảng Trị có chỉ số CCHC (ParID) **xếp thứ 27/34**; chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Sipas) **xếp thứ 30/34.** - UBND tỉnh Quảng trị đã ban hành Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 Công bố chỉ số CCHC của các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh năm 2025 (công bố chỉ số CCHC năm 2025 đối với 15 sở và cơ quan thuộc UBND tỉnh).
3.6	Điều hành dự toán ngân sách nhà nước, đẩy nhanh giải ngân vốn cho KHCN, ĐMST, CĐS	Thường xuyên	Đang thực hiện	**Nguồn kinh phí bố trí năm 2026:** Kế hoạch năm 2026, dự toán kinh phí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh Quảng Trị được giao thực hiện cho lĩnh vực KHCN, ĐMST, CĐS là 336,102 tỷ đồng (chưa bao gồm nguồn vốn đầu tư công NSTW vì Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2026-2030 chưa được Trung ương giao), tăng so với năm 2025 là 47,9% (336,102 tỷ đồng/227,152 tỷ đồng), đạt 1,23% so với tổng chi ngân sách (336,102 tỷ đồng/27.195 tỷ đồng). Cụ thể: *(i)* Nguồn sự nghiệp 163,065 tỷ đồng, tăng 43,95% so với năm 2025 là 163,065 tỷ đồng/113,280 tỷ đồng); *(ii)*

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				Nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh 173,037 tỷ đồng, tăng 51% so với năm 2025 (173,037 tỷ đồng/113,872 tỷ đồng), bằng 4,5 % tổng nguồn đầu tư công 2026. Được Hội đồng nhân dân tỉnh giao tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 và UBND tỉnh phân bổ tại Quyết định số 3401/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2026 tỉnh Quảng Trị (Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) 173,037 tỷ đồng (trong đó: Ngân sách cấp tỉnh phân bổ 122,5 tỷ đồng; ngân sách cấp xã: 50,537 tỷ đồng). Kinh phí khoa học và công nghệ đã được phân bổ cho các cơ quan, đơn vị ngay từ khâu dự toán để đảm bảo chủ động triển khai; kinh phí chi thường xuyên cho ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số được quản lý, điều hành theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Nhìn chung, công tác phân bổ vốn đảm bảo đúng quy định; công tác giải ngân vốn được xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm, vì vậy, ngay từ đầu năm, Sở Tài chính đã tập trung tham mưu UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo công tác thực hiện và giải ngân nguồn vốn đầu tư công 2026. ***- Kết quả giải ngân:*** Đến ngày 10/9/2026, giá trị giải ngân vốn: 59,678 tỷ đồng/336,102 tỷ đồng, đạt 17,76% kế hoạch giao. Trong đó: nguồn chi thường xuyên đạt 43,783 tỷ đồng/163,065 tỷ đồng, đạt 26,85%; nguồn đầu tư công đạt 15,895 tỷ đồng/173,037 tỷ đồng, đạt 9,19% kế hoạch giao

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				(cấp tỉnh: giải ngân được 46,761 tỷ đồng/336,102 tỷ đồng, đạt 13,91%; cấp xã: 12,917 tỷ đồng/336,102 tỷ đồng, đạt 3,84%). ***- Tiến độ triển khai dự án đầu tư lĩnh vực KHCN, ĐMST và CĐS trong năm 2026:*** Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2026 phân bổ cho các dự án khởi cộng mới lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý). UBND tỉnh đã ban hành các quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư 25 dự án khởi công mới năm 2026 (giai đoạn 2026-2028) thuộc lĩnh vực này với TMĐT 424,650 tỷ đồng. Hiện nay, các Chủ đầu tư đang trình Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán và nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư. Sau khi có quyết định phê duyệt, các Chủ đầu tư lập hồ sơ trình thẩm định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo Kinh tế kỹ thuật. Qua báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ đến 24/9/2026 đến thời điểm báo cáo: 07 dự án đã hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư, tương ứng 63.500 triệu đồng (58.5% vốn năm 2026); 09 dự án đang thẩm định/xử lý hồ sơ, 23.700 triệu đồng (21.9%); 07 dự án chưa trình hồ sơ qua Sở, 17.300 triệu đồng (15,9%); 02 dự án vướng mắc/xin điều chỉnh/dừng, 4.000 triệu đồng (3,7%). Trọng tâm là xử lý dứt điểm hồ sơ trong tháng 9-10/2026, gắn tiến độ thủ tục với khả năng giải ngân. **Dự kiến kinh phí lĩnh vực KHCN, ĐMST và CĐS năm 2027:** Thực hiện hướng dẫn của Bộ

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				Khoa học và Công nghệ về xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST&CĐS) năm 2027; UBND tỉnh Quảng Trị dự kiến tổng kinh phí thực hiện: 870.784 triệu đồng (dự kiến chiếm 3,2% tổng chi ngân sách (870.784 triệu đồng/ 27.195.000 triệu đồng)) trong đó: *(i)* Chi sự nghiệp KH&CN: 197.784 triệu đồng; *(ii)* Dự kiến Chi đầu tư phát triển: 673.000 triệu đồng, gồm: Nguồn ngân sách địa phương là 173.000 triệu đồng. Nguồn ngân sách trung ương là 500.000 triệu đồng. Đối với nguồn Trung ương, tỉnh đã đề xuất 1.000 tỷ đồng cho giai đoạn 2026–2030, trong đó dự kiến 500 tỷ đồng cho năm 2026 và 2027; đến nay chưa được cấp có thẩm quyền bố trí. Danh mục, quy mô và cơ cấu vốn cần tiếp tục rà soát theo phương án hạ tầng dữ liệu của tỉnh, bảo đảm không đầu tư trùng lặp.
4. Chuyển đổi số trong các ngành kinh tế				
4.1	Xây dựng CT thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số	Quý II/2026	Đã hoàn thành	KH 807/KH-UBND (09/3/2026) và KH 1720/KH-UBND (01/4/2026)
4.2	Tổ chức thực hiện KH phát triển thương mại điện tử tỉnh giai đoạn 2026-2030	Quý II/2026	Đã hoàn thành	Sở Công Thương đã hoàn thành tham mưu UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch số 807/KH-UBND ngày 09/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đồng thời xây dựng Kế hoạch Triển khai thí điểm hỗ trợ cửa hàng bán lẻ

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh năm 2026 (Kế hoạch số 36/KH-SCT ngày 30/3/2026) và đã có Công văn số 1008/SCT-QLTM ngày 10/4/2026 gửi Sở Tài chính đề xuất bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch thí điểm hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số. Trong thời gian qua, Sở đã hoàn thành tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2658/KH-UBND ngày 31/12/2025 về việc phát triển thương mại điện tử tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030; Sở Công Thương đã ban hành Kế hoạch về phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026 (Kế hoạch số 73/KH-SCT ngày 14/5/2026). Tại Kế hoạch Sở Công Thương tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền về nhận thức, thúc đẩy tạo điều kiện để doanh nghiệp chuyển đổi số; nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước về thương mại điện tử. Cụ thể: - Triển khai các giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới và hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ cho các mặt hàng nông sản chủ lực, thực phẩm chế biến, các sản phẩm OCOP của tỉnh. - Xây dựng thị trường, nâng cao uy tín của doanh

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				nghiệp và lòng tin người tiêu dùng trong thương mại điện tử, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp, ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Với tổng kinh phí thực hiện được giao 400 triệu đồng, Sở Công Thương đang thực hiện các nội dung như: + Xây dựng website thương mại điện tử cho các Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. + Tổ chức hội nghị tập huấn về kiến thức kỹ năng thương mại điện tử xuyên biên giới. + Tổ chức hoạt động livestream quảng bá và giới thiệu sản phẩm đặc trưng tỉnh Quảng Trị 2026 + Hỗ trợ kinh doanh trực tuyến và mô hình ứng dụng thương mại điện tử trên nền tảng Tiktok cho doanh nghiệp. Ngoài ra, để triển khai thực hiện Chương trình Khuyến công, Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026, Sở Công Thương đã thực hiện: - Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND Ban hành Nghị quyết số 04/2026/NQ/HĐND ngày 20/5/2026 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Và tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				Nghị quyết số 04/2026/NQ/HĐND ngày 20/5/2026 của HĐND tỉnh (Công văn số 2660/UBND-CTXD ngày 03/6/2026). - Tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 11/3/2026 phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030. + Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3105/KH-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thực Thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. + Rà soát, xem xét và hỗ trợ khuyến công cho các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn đầu tư ứng dụng công nghệ, máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững. Kết quả, 6 tháng đầu năm Sở đã khảo sát, kiểm tra, thẩm định các đề án khuyến công quốc gia đợt 2 và khuyến công địa phương đợt 1, thông báo hỗ trợ kinh phí khuyến công tỉnh đợt 1 cho 08 các đơn vị (khu vực phía Bắc tỉnh), với tổng kinh phí là 1.305 triệu đồng. (trong đó tập trung hỗ trợ các cơ sở sản xuất đổi mới dây chuyền sản xuất, ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động quản lý sản xuất).
4.3	Xây dựng, khai thác CSDL dùng	Năm 2026	Đang thực hiện	Thực hiện Công văn số 2835/UBND-TH ngày

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
	chung ngành Công Thương			11/06/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao đơn vị lập đề xuất chủ trương đầu tư thực hiện các dự án đầu tư công thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và đổi mới sáng tạo năm 2026. Sở Công Thương đã hoàn thành xây dựng đề án triển khai thực hiện xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Công Thương (Báo cáo số 224/BC-SCT ngày 01/7/2026) và đã được UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (Quyết định số 2747/QĐ-UBND ngày 14/7/2026) và Hội đồng nhân dân tỉnh banh hành Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 bố trí kinh phí đầu tư công năm 2026. Hiện nay, Sở đang hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư và đã có Tờ trình gửi Sở Tài chính đề nghị đề nghị thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, dự án theo đúng quy định (Tờ trình số 187/TTr-SCT ngày 22/9/2026).
4.4	Nâng cấp, tích hợp, đồng bộ CSDL dùng chung về thủy lợi và phòng, chống thiên tai	Năm 2026	Đang thực hiện	Hiện nay, ngành đang vận hành ổn định 24/7 hệ thống gồm 67 trạm đo mưa tự động, 09 trạm đo mực nước và 40 camera giám sát thiên tai tại các vùng trọng yếu, phục vụ công tác dự báo và chỉ đạo điều hành. Tích hợp dữ liệu các công trình thủy lợi, đê điều vào phần mềm quản lý chuyên ngành: https://quangbinh.wradm.vn; https://www.vrain.vn;http://itaes.vn/quangtri.html; https://pcttquangtri.com. Đồng thời đã số hóa dữ liệu vết lũ lịch sử năm 2020 lên bản đồ phục vụ tra cứu, công tác quản

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				lý, nghiên cứu đầu tư, xây dựng hạ tầng, khai thác cộng đồng phòng, chống thiên tai; Xây dựng ứng dụng trực tuyến trên thiết bị di động (App) phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, thông tin, phổ biến tuyên truyền phòng, chống thiên tai; (iii) Xây dựng bộ công cụ ứng dụng khai thác và theo dõi mực nước; lượng nước mưa trên toàn tỉnh; Các nội dung xây dựng đảm bảo chất lượng, tiến độ, phục vụ khai thác hiệu quả sau khi hoàn thành. Tuy nhiên đến nay, CSDL hiện đang được quản lý, vận hành trên các nền tảng riêng biệt của 02 tỉnh trước sáp nhập: Phần mềm cảnh báo lũ đối với các lưu vực sông lớn khu vực phía Bắc tỉnh; Phần mềm cảnh báo lũ đối với các lưu vực sông lớn khu vực phía Nam tỉnh... Đơn vị đã đề xuất kinh phí triển khai song đến nay chưa được cấp có thẩm quyền phân bổ [1]. Đề xuất bổ sung kinh phí và xây dựng lộ trình nâng cấp, tích hợp và đồng bộ hóa toàn bộ hệ thống này thành CSDL dùng chung của tỉnh trong giai đoạn 2028-2030 để phù hợp với lộ trình chung của ngành (Sau khi hoàn thành nâng cấp hạ tầng thiết bị).
4.5	Triển khai các ứng dụng ngành nông nghiệp, môi trường (IoT/AI cho lúa; CĐS OCOP/Blockchain; giám sát rừng...)	Năm 2026	Đang thực hiện	Ngành nông nghiệp và Môi trường đã đề xuất kinh phí triển khai 06 ứng dụng công nghệ số cho ngành nông nghiệp, môi trường ngay từ cuối năm 2025 4, song đến nay chưa được cấp có thẩm quyền phân bổ. Trong điều kiện đó, ngành đã chủ động lồng ghép, tích hợp các nền tảng, dữ liệu sẵn có để triển khai bước đầu, không để chậm trễ hoàn toàn trong khi chờ nguồn lực đầu tư. Trong

[1] Tại Công văn số 4929/SNNMT-KHCNCĐS, ngày 11/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				06 nội dung có 02/06 nhiệm vụ đã có kết quả rõ ràng, đảm bảo đúng tiến độ: - Ứng dụng công nghệ (Drone, AI) trong xây dựng CSDL lâm nghiệp, giám sát tài nguyên rừng, cảnh báo cháy, quản lý đa dạng sinh học: Đây là nội dung có kết quả rõ nét khi ngành đã hoàn thành khảo sát 54 vị trí trọng điểm, lựa chọn 18 vị trí lắp đặt camera giám sát tích hợp AI kết hợp ảnh vệ tinh, thiết bị bay để cảnh báo sớm cháy rừng, phá rừng, mất rừng; đã hoàn thành chuẩn hóa, cập nhật và tích hợp lên Bản đồ số ngành các CSDL hiện trạng rừng, diễn biến rừng, kiểm kê rừng, 03 loại rừng, chủ rừng. Việc mở rộng cơ sở dữ liệu nguồn giống cây trồng lâm nghiệp cũng đã được cập nhật, tích hợp cùng nhóm dữ liệu này. Hệ thống thông tin địa lý (GIS), ảnh viễn thám, phần mềm FRMS, FRMS Mobile, MapInfo cùng các thiết bị GPS, máy tính bảng và Flycam được khai thác thường xuyên để cập nhật diễn biến rừng, kiểm tra hiện trạng ngoài thực địa, phục vụ công tác thống kê, kiểm kê rừng, quản lý đất lâm nghiệp và tham mưu quy hoạch lâm nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ số đã góp phần rút ngắn thời gian xử lý nghiệp vụ, nâng cao độ chính xác

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				của dữ liệu và hiệu quả công tác quản lý. - Bốn nhiệm vụ còn lại: chuyển đổi số OCOP tích hợp Blockchain truy xuất nguồn gốc, giám sát sâu rầy thông minh (IoT, AI) cho cây lúa, phần mềm quản lý kinh tế hợp tác và trang trại, và Trợ lý tri thức thông minh (AI Assistant), tuy trong thời gian chờ nguồn lực đầu tư, ngành đang chủ động lồng ghép các nền tảng, dữ liệu sẵn có để triển khai bước đầu như: + Thúc đẩy kinh tế hợp tác và doanh nghiệp số: Hỗ trợ các HTX và chủ thể OCOP ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị và truy xuất nguồn gốc. Hiện có 105/705 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (chiếm 14,9%); duy trì quản lý hiệu quả 55 mã số vùng trồng (gần 3.200 ha) và 02 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu. + Hiện đại hóa sản xuất qua ứng dụng công nghệ thông minh: Đưa công nghệ vào trực tiếp đồng ruộng thông qua việc cơ giới hóa và ứng dụng thiết bị bay không người lái (Drone). Toàn ngành đã triển khai Drone thực hiện gieo sạ, bón phân và phun thuốc BVTV trên diện tích hơn 42.000 ha, giúp tiết kiệm nguyên liệu và bảo vệ môi trường. + Đối với quản lý kinh tế hợp tác và trang trại, ngành tạm thời quản lý dữ liệu 690 hợp tác xã nông nghiệp (93 HTX ứng dụng công nghệ cao, 181 HTX tham gia liên kết sản xuất - tiêu thụ)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				trên nền dữ liệu OCOP và các hệ thống chuyên ngành hiện có . + Đối với Trợ lý tri thức thông minh (AI Assistant), ngành đang phát triển tính năng hỏi - đáp tự động trên nền Thư viện điện tử ngành (vận hành từ tháng 02/2026), làm bước đệm kỹ thuật trước khi đầu tư nền tảng AI Assistant đầy đủ. Đây là cách tiếp cận "lồng ghép trước, đầu tư sau" nhằm không để chậm trễ hoàn toàn trong khi chờ bố trí kinh phí chính thức.
4.6	Xây dựng hệ sinh thái số ngành du lịch, kết nối IOC tỉnh	Năm 2026	Đang thực hiện	đã vận hành Cổng du lịch thông minh (hợp nhất Quảng Bình và Quảng Trị cũ), ứng dụng VR/AR, công nghệ 9D/5D tại một số điểm
4.7	Số hóa 100% quy trình đoàn ra, đoàn vào và lễ tân điện tử; Cổng thông tin đối ngoại thông minh đa ngôn ngữ (AI Chatbot)	Năm 2026	Đang thực hiện	đang làm việc với Sở Ngoại vụ để xây dựng CSDL quy trình, thông tin đoàn ra/đoàn vào; chưa hoàn thành số hóa
4.8	Triển khai, nâng cấp CSDL ngành Xây dựng (GIS, hạ tầng kỹ thuật, đô thị...), kết nối IOC tỉnh	Năm 2026	Đang thực hiện	- Sở Xây dựng đang phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: "Nâng cấp, mở rộng Hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu quản lý không gian (SDI) quản lý quy hoạch xây dựng" với tổng mức đầu tư 10 tỷ đồng (nguồn vốn Ngân sách tỉnh, giai đoạn 2026-2028). Sở Xây dựng đang phối hợp với đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn chỉnh báo cáo chủ trương đầu tư nhiệm vụ để trình tỉnh phê duyệt trong Quý III/2026.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
4.9	Nền tảng quản lý, giám sát thông tin không gian địa lý trực tuyến phục vụ lĩnh vực đầu tư	Năm 2026	Đang thực hiện	Hệ thống phần mềm nền tảng quản lý và chia sẻ dịch vụ bản đồ số và dữ liệu không gian tích hợp thuộc Dự án thành phần 5 (thuộc Dự án Chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025) đã hoàn thành và đưa vào quản lý vận hành, tại địa chỉ https://csdl-snnmt.quangtri.gov.vn. Tuy nhiên, đến nay hệ thống chưa được tích hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trên nền thông tin địa lý - GIS của tỉnh Quảng Trị (tích hợp kết nối chia sẽ dữ liệu đến Trung tâm Điều hành Thông minh (IOC)) của tỉnh do (IOC) đang trong giai đoạn nâng cấp. Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẵn sàng chia sẽ dữ liệu ngành sau khi (IOC) hoàn thành nâng cấp.
4.10	Hoàn thành xây dựng, khai thác hiệu quả CSDL quốc gia thành phần, CSDL dùng chung, chuyên ngành của tỉnh; mở dữ liệu	Năm 2026	Đang thực hiện	Nhiều CSDL chuyên ngành đã đạt tỷ lệ làm sạch cao (dân cư, đất đai, hộ tịch, cán bộ, thuế, BHXH...)
4.11	Xây dựng, công bố danh mục dự án trọng điểm, khu vực tiềm năng thu hút đầu tư ứng dụng KHCN, ĐMST, CĐS	Tháng 6/2026	Đang thực hiện	Sở KH&CN đang phối hợp Sở Tài chính xây dựng, hoàn thành trong quý III/2026
5. Xã hội số, phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ				
5.1	Triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" phổ cập kỹ năng số cho 100% người dân trưởng thành	Thường xuyên	Đang thực hiện	Đã sơ kết 1 năm (KH 47-KH/TU, BC 272-BC/TU ngày 28/5/2026); ban hành KH 60-KH/TU (25/6/2026) đẩy mạnh giai đoạn tới.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
5.2	Dự án đầu tư nâng cấp hạ tầng, an toàn thông tin để triển khai bệnh án điện tử	Năm 2026	Đang thực hiện	- Sở Y tế đã tổng hợp đề xuất của nhu cầu đầu tư nâng cấp hạ tầng, an toàn thông tin triển khai bệnh án điện tại các trạm Y tế trên địa bàn tỉnh. - Sở Y tế đã có Báo cáo số 3636/BCĐXCTĐT – SYT ngày 18/6/2026 gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính và Sở Khoa học Công nghệ về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, an toàn thông tin để triển khai bệnh án điện tử tại các trạm Y tế trên địa bàn tỉnh và Tờ trình số 3637/TTr-SYT ngày 18/6/2026 Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, an toàn thông tin để triển khai bệnh án điện tử tại các trạm Y tế trên địa bàn tỉnh.
5.3	Thực hiện Học bạ số và dạy học STEM 100% các cơ sở giáo dục phổ thông	Năm 2026	Đã hoàn thành	Sở GD&ĐT đã chỉ đạo 100% cơ sở giáo dục phổ thông khởi tạo Học bạ số, thực hiện chuẩn hóa dữ liệu trên CSDL ngành và tích hợp với các hệ thống quản lý nhà trường. 100% các trường phổ thông đã triển khai tích hợp giáo dục STEM/STEAM vào chương trình giảng dạy chính khóa và các hoạt động câu lạc bộ ngoại khóa. Số liệu nổi bật năm học 2025-2026: - Tổ chức 8.986 bài học STEM cho 8.325 lớp với 1.417.388 học sinh tham gia. - Tổ chức 9.847 hoạt động trải nghiệm STEM cho 193.256 học sinh và 1.581 ngày hội STEM cấp trường. - Có 663 CLB STEM với 33.361 học sinh tham gia và 1.584 hoạt động nghiên cứu khoa học.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				- Việc sử dụng phòng học STEM/Không gian sáng chế đạt hiệu quả tích cực với 3.569 tiết dạy và 5.116 giờ học sinh nghiên cứu khoa học tại phòng.
5.4	Rà soát, ban hành chính sách đặc thù thu hút, đãi ngộ nhân lực CĐS, an toàn thông tin	Thường xuyên	Đã rà soát, đối với thực tiễn của tỉnh hiện nay chưa đề xuất các chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, công nghệ thông tin làm việc tại các cơ quan nhà nước.	Sở Nội vụ đã có Công văn số 3044/SNV-CBCCVC đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, đánh giá thực trạng và nhu cầu tuyển dụng, sử dụng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số, an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó để đề xuất cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ đối với nguồn nhân lực này. Theo Báo cáo số 323/SKHCN-VP ngày 30/01/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc báo cáo thực trạng nguồn nhân lực và đề xuất chính sách đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc tại cơ quan, đơn vị lĩnh vực khoa học và công nghệ; hiện nay chưa đề xuất các chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, công nghệ thông tin làm việc tại các cơ quan nhà nước.
5.5	Bố trí chuyên trách công nghệ thông tin ở UBND cấp xã	Quý II/2026	Đã thực hiện; tiếp tục rà soát để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với các trường hợp chưa có bằng đại học CNTT	Đến nay 100% xã, phường, đặc khu đã bố trí công chức phụ trách CNTT theo Đề án VTVL ban hành kèm theo Quyết định số 3395/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 của UBND tỉnh, trong đó có 39/78 xã, phường, đặc khu công chức phụ trách CNTT có trình độ đào tạo về CNTT; 39/78 xã, phường, đặc khu bố trí công chức phụ trách CNTT chưa có trình độ Đại học ngành CNTT

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				nhưng có các chứng chỉ ứng dụng CNTT có liên quan. Hiện nay, các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh cơ bản bố trí đủ chỉ tiêu biên chế công chức được giao, vì vậy cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức phụ trách CNTT theo Kế hoạch số 2590/KH-UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh (*triển khai thực hiện Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 20/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ*) về Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp giai đoạn 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
6. An toàn thông tin, an ninh mạng				
6.1	Ban hành Chỉ thị của BTV Tỉnh ủy về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng	Tháng 4/2026	Đã hoàn thành	Chương trình hành động 15-CTr/TU (12/3/2026) thay vì Chỉ thị, đã thống nhất với BTV Tỉnh ủy
6.2	Ban hành văn bản chỉ đạo kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin đối với thiết bị điện tử trước khi đưa vào sử dụng cho tài liệu mật	Tháng 6/2026 và thường xuyên	Đã hoàn thành	CV số 01-CV/BCĐ ngày 14/5/2026; đã xử lý trên 120 yêu cầu, dán tem ATTT cho trên 250 thiết bị
6.3(a)	Xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin; triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin	Thường xuyên	Đã hoàn thành	phê duyệt 147/200 hồ sơ; 100% hệ thống thông tin quan trọng cấp tỉnh, cấp xã đã có hồ sơ cấp độ

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
6.3(b)	Triển khai hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng; kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống giám sát Trung ương	Năm 2026	Đã hoàn thành	Đã kết nối Trung tâm An ninh mạng quốc gia (Cục A05)
6.3(c)	Thực hiện giải pháp bảo vệ bí mật nhà nước, mã hóa, xác thực, an toàn thiết bị di động; diễn tập, ứng cứu sự cố ATTT	Thường xuyên	Đã hoàn thành	Duy trì hoạt động Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh; Đã tổ chức diễn tập 01 Cuộc diễn tập An ninh mạng
6.3(d)	Xây dựng Trung tâm an toàn thông tin mạng cấp tỉnh	Vận hành năm 2027	Đang thực hiện	– đã trình chủ trương đầu tư 188,5 tỷ đồng (2 giai đoạn), chờ Sở Tài chính hoàn thiện hồ sơ trình BTV Tỉnh ủy và phê duyệt kết quả; UBND tỉnh đang nghiên cứu, bố trí kinh phí theo quy định
7. Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng				
7.1.1	Số hoá hồ sơ cán bộ diện BTV Tỉnh ủy quản lý (đương chức và nghỉ hưu)	Theo lộ trình, KH của Ban Tổ chức Trung ương	Đang thực hiện	gần hoàn tất – làm sạch đảng viên đạt 99,9% (130.119/130.133); lý lịch cán bộ diện BTV quản lý đạt 100% (614/614); cán bộ cấp xã đạt 99,17-99,2%
7.1.2	Số hóa văn bản, tài liệu lưu trữ nghiệp vụ của các cơ quan Đảng; làm sạch, chuẩn hóa, khai thác hiệu quả	Thường xuyên	Đang thực hiện	Hiện nay Trung ương chưa triển khai
7.1.3	Tiếp nhận, khai thác Kho dữ liệu tập trung của Trung ương; tích hợp dữ liệu chuyên ngành phục vụ phân tích, điều hành	Theo kế hoạch Trung ương	Đang thực hiện	Có 4.730 tài khoản người sử dụng thuộc khối Đảng toàn tỉnh truy cập vào các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của đảng được định danh số gắn với tài khoản VneID, số điện thoại cá nhân và xác

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời hạn	Kết quả	Diễn giải
				thực tập trung, thống nhất. Hệ thống nhận văn bản sử dụng mã định danh của cơ quan Đảng tỉnh Quảng trị để giao dịch trên trục liên thông văn bản Quốc gia.
7.1.4	Tiếp nhận, triển khai các CSDL dùng chung (người dùng tập trung, mã định danh cơ quan Đảng, danh mục chức danh...)	Năm 2026	Đang thực hiện	- Một phần đã triển khai – website Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã hoàn thành (bantochuc.quangtri.dcs.vn); Sổ tay đảng viên điện tử: 73.107 đảng viên sử dụng, đạt 59,4%. - Đang triển khai hoạch số 57-KH/TU, ngày 19/6/2026 của Tỉnh ủy Quảng Trị về Kế hoạch triển khai toàn quốc 4 thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử Thực hiện phân quyền cho cán bộ quản trị giải quyết thủ tục hành chính của 82 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy. - Đang triển khai các thủ tục của Dự án CĐS cơ quan Đảng 2026-2030.
7.2	Hệ thống điều hành tác nghiệp; phần mềm chuyên ngành; hạ tầng số, TT dữ liệu cơ quan Đảng; nhân lực, thể chế; Dự án CĐS cơ quan Đảng 2026-2030	Năm 2026	Đang thực hiện	website Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã hoàn thành (bantochuc.quangtri.dcs.vn); Sổ tay đảng viên điện tử: Tổng số cán bộ 4.590, trong đó, Sinh hoạt thường kỳ tháng 8: số cán bộ đăng ký sinh hoạt 2.388; số cán bộ đã đánh giá sinh hoạt và gửi báo cáo sinh hoạt là 1.412; Có 88.267/122.020 đảng viên đã cài đặt và sử dụng phần mềm (đạt 72.34%).